

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2026

V/v Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Liêm
- Bà Quách Thị Hồng Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1972; Căn cước công dân số 087072018180, cấp ngày 05/8/2022

Địa chỉ: Tổ D, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1972; Căn cước số 087172004898, cấp ngày 20/3/2025

Địa chỉ: Tổ D, ấp P, xã P, tỉnh Đồng Tháp

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trần Văn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn V và bà Lê Thị Thu H sau thời gian

tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân, tổ chức đám cưới vào năm 1992, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 14/12/2002. Sau kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2025 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân là do ông V có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài.

Trước đó, vào năm 2023 ông V cũng có tình cảm với một người phụ nữ, hai bên nhắn tin với nhau; gia đình phát hiện nên ông V không còn qua lại, bà H cũng tha thứ và vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến năm 2025, ông V tiếp tục phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác. Sau đó bà H biết, ông cũng có sửa đổi, hai bên chấm dứt không còn qua lại. Tuy nhiên từ đó về sau bà H không còn tin tưởng ông V, đi đâu, làm gì, hay nghe điện thoại vì công việc cũng bị nghi ngờ ghen tuông. Thậm chí ở bên ngoài mà nghe ai nói gì đó về nhà bà H cũng kiểm chuyện, nói này nói kia làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn.

Hiện tại vợ chồng vẫn còn sống chung một nhà, nhưng không còn ngủ chung từ tháng 10/2025 đến nay; đến bữa cơm gia đình vợ chồng cũng không ăn chung, mạnh ai nấy ăn. Nay ông V nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, ông V yêu cầu ly hôn bà H.

- Về con chung: Có 02 con tên Trần Quang V1, sinh năm 1993 và Trần Quang T, sinh năm 2001. Hai con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Khi ly hôn tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Lê Thị Thu H trong quá trình giải quyết vụ án có văn bản trình bày ý kiến:

Về thời gian chung sống, tìm hiểu, kết hôn bà H thống nhất theo lời trình bày của ông V. Sau kết hôn bà H và ông V chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì có mâu thuẫn do ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau khi bị gia đình phát hiện, ông V cũng có sửa đổi được một thời gian thì lại tiếp tục quen biết, phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, gia đình khuyên không nghe.

Hiện nay dù còn sống chung nhà nhưng vợ chồng không ăn chung, không ngủ chung. Tuy nhiên về tình cảm, bà H vẫn còn thương ông V nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con tên Trần Quang V1, sinh năm 1993 và Trần Quang T, sinh năm 2001. Hai con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không tranh chấp yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Trường hợp ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy mâu thuẫn giữa ông V và bà H đã trầm trọng, vợ chồng không thể hòa giải, hàn gắn. Do đó đề nghị cho ông V ly hôn bà H.
- Về con chung: Có 02 con tên Trần Quang V1, sinh năm 1993 và Trần Quang T, sinh năm 2001. Hai con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không tranh chấp yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Trường hợp ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.
- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở Đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đồng Tháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bà Lê Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn V và bà Lê Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét việc ông Trần Văn V yêu cầu ly hôn bà Lê Thị Thu H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng, dẫn đến mất niềm tin. Bà H cũng xác nhận tình trạng này xảy ra nhiều lần. Mặc dù, quá trình sống chung vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng về tình cảm, nhưng bà H vẫn còn thương ông V nên không đồng ý ly hôn.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông V và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù còn sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn sinh hoạt chung, không ngủ chung, không ăn chung, không quan tâm chăm sóc nhau, đời sống chung không còn tồn tại đúng nghĩa của quan hệ vợ chồng. Vì vậy, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích. Do đó, việc ông V yêu cầu ly hôn bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy 02 con chung tên Trần Quang V1, sinh năm 1993 và Trần Quang T, sinh năm 2001. Cả hai đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn V. Cho ông Trần Văn V và bà Lê Thị Thu H ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quang V1, sinh năm 1993 và Trần Quang T, sinh năm 2001. Cả hai đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Trần Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng 300.000 đồng ông V đã nộp ngày 15/01/2026 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000896 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực 8 – Đồng Tháp;
- Thi hành án tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Phú Hựu
(Số 498 quyền 03/2022)
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

Nguyễn Thị Thủy